

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **91/2018/HNGĐ-ST**
Ngày: 29/3/2018
V/v: xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lâm Ngọc Phượng.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Tuyết Ái;**
2. Bà **Nguyễn Thị Thanh Huyền.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Chúc Phương** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện viên kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa:

Ông Phạm Hoàng Lưu - Kiểm sát viên.

Trong ngày **29** tháng **3** năm **2018** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/2017/TLST – HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2017 về việc “*Xin ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2018, quyết định hoãn phiên tòa số: 68/2018/QĐST – HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Mỹ D**, sinh năm 1986
Nơi cư trú: 0954, ấp V1, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.
 2. *Bị đơn:* Ông **Huỳnh Mai Hải Đ**, sinh năm 1976
Nơi cư trú: 0954, ấp V1, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.
- (Tại phiên tòa bà D có mặt; ông Đ vắng mặt).

NỘI D VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai, bà Nguyễn Thị Mỹ D trình bày: Hôn nhân của bà với ông Huỳnh Mai Hải Đ là do tự tìm hiểu, yêu thương, tiến tới hôn nhân vào năm 2007, sống chung tại ấp V1, xã V. Có Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh An Giang ngày 11/3/2007. Từ lúc sống chung thì bà với ông Đ đã phát sinh mâu thuẫn, thường cãi vã, ông Đ uống rượu, có người phụ nữ khác, không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Năm 2015 thì bà với ông Đ đã ly thân nhau cho đến nay. Nay tình cảm không còn, nên bà yêu cầu ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà với ông Đ có 01 con chung tên Huỳnh Hải P, sinh ngày 02/12/2012, hiện cháu P do bà nuôi dạy. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi cháu P và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ bà D cung cấp cho Tòa án gồm: Trích lục kết hôn (bản sao), sổ hộ khẩu gia đình, chứng minh nhân dân (photo copy) và giấy trích lục khai sinh cháu P (bản sao).

Trong vụ án này kể từ khi thụ lý cho đến khi Tòa án ra thông báo phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì ông Đ vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử (HĐXX) nghĩ nên cần tiến hành việc xét xử mà không qua thủ tục hòa giải.

Tại biên bản ghi nhận sự vắng mặt của đương sự và không tiến hành hòa giải được thì bà D vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn, về con chung, tài sản chung và nợ chung xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án.

Biên bản xác minh ngày 07/02/2018 tại ấp A, xã A, thị xã T (nơi ông Đ cư trú trước đây), ông Phạm Tấn K – Phó ấp A cung cấp ông Đ không còn Đ ký hộ khẩu tại ấp A, vào năm 2013 ông Đ đã cắt chuyển hộ khẩu về cư trú tại ấp V1, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 08/02/2018 của bà Nguyễn Thị C và bà Đinh Thị P – người thân bà D cung cấp: Hôn nhân của D và Đ là do tự tìm hiểu, sống chung vào năm 2007, D và Đ sống chung nhưng thường xuyên cãi vã nhau, ông Đ ăn nhậu không chăm lo cuộc sống gia đình và con cái, theo bà C và bà P thì khả năng hàn gắn là không thể. D và Đ có 01 con chung tên Huỳnh Hải P, hiện sống chung với D. Tài sản chung thì không thấy tạo lập được gì, còn nợ chung thì không biết nhưng không thấy ai đến đòi.

Biên bản xác minh ngày 08/02/2018, ông Nguyễn Thành V – Cán bộ Công an xã V, cung cấp cho Tòa án ông Huỳnh Mai Hải Đ vẫn còn Đ ký hộ khẩu tại ấp V1, xã V, huyện A, tỉnh An Giang, chưa chuyển hộ khẩu.

Tại phiên toà hôm nay: Bà D vẫn yêu cầu xin ly hôn với ông Đ, yêu cầu nuôi cháu P và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung xác định không có. Ông Đ vắng mặt lần thứ hai. Do đó, HĐXX nghĩ nên xét xử vắng mặt ông Đ theo Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi.

Về nội D: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ D; giao cháu Phong cho bà D nuôi dưỡng, công nhận sự tự nguyện của bà D về việc không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung xác định không có, nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Huỳnh Mai Hải Đ là tự tìm hiểu; có Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh An Giang ngày 11/03/2007, là hôn nhân hợp pháp nên yêu cầu xin ly hôn của bà D được tòa án thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà D với ông Đ tiến tới hôn nhân là do tự tìm hiểu, yêu thương nhau, sống chung vào năm 2007, năm 2015 hai bên phát sinh mâu thuẫn, sau đó ly thân cho đến nay. Hôn nhân giữa bà D và ông Đ thực tế không thể hàn gắn bởi không còn sống chung, thời gian ly thân đã lâu, do đó việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D là có căn cứ.

[3] *Về con chung*: Xét thấy cháu Huỳnh Hải P, từ trước đến nay được bà D nuôi và chăm sóc, tình cảm giữa cháu P và bà D đã thật sự gắn bó, do đó việc bà D yêu cầu tiếp tục nuôi con chung là phù hợp với tâm sinh lý của cháu P, nên HĐXX công nhận.

Về cấp dưỡng: Tại phiên tòa, bà D không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung, nên HĐXX công nhận sự tự nguyện.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà D xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết, nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] *Về án phí*: Bà D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mỹ D.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ D được ly hôn với ông Huỳnh Mai Hải Đ.

Về con chung: Bà D được tiếp tục nuôi dạy một con chung tên Huỳnh Hải P, sinh ngày 02/12/2012. Công nhận sự tự nguyện của bà D về việc không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà D cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Số tiền này được chuyển từ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà bà D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo biên lai thu số 0010868 ngày 11/10/2017 (bà D đã nộp đủ).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/3/2018) các bên có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của các đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

(Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh;
- VKS huyện;
- THA huyện;
- UBND xã, thị trấn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Ngọc Phụng